

Nhu cầu tiêu thụ tăng cao giúp lợi nhuận đạt đỉnh 5 năm trong Q1/2026

GVR hiện đang giao dịch P/E dự phóng ở mức 17x, thấp hơn trung bình 3 năm là 21,7x. Chúng tôi duy trì quan điểm tích cực đối với GVR, nhờ quỹ đất cao su lớn nhất cả nước, với tổng diện tích 377.797 ha tập trung tại các tỉnh trọng điểm phía Nam như Bình Dương (cũ), Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu (cũ) và Tây Ninh. Việc chuyển đổi hơn 23.000 ha đất cao su sang phát triển khu công nghiệp (KCN) trong giai đoạn 2025-2030 sẽ mở ra giai đoạn tăng trưởng mới cho công ty. Dựa trên phương pháp định giá SOTP, chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 12 tháng là 36.200 đồng/cổ phiếu (thấp hơn giá thị trường hiện tại khoảng 3,7%) và duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP**.

Luận điểm đầu tư

- **Giá cao su duy trì ở mức cao, góp phần hỗ trợ lợi nhuận năm 2026.** Tính đến tháng 5/2026, giá cao su đã tăng 32% svck và 28% từ đầu năm, chủ yếu do nguồn cung bị gián đoạn bởi yếu tố thời tiết, đặc biệt là rủi ro mưa lớn tại Thái Lan, và tình hình giá dầu tăng trong bối cảnh căng thẳng Trung Đông. Chúng tôi dự báo giá cao su bình quân tăng 15% svck lên 58 triệu đồng/tấn. Doanh thu màng cao su ước tính đạt 26,7 nghìn tỷ đồng (+12% svck), trong khi sản lượng tiêu thụ dự kiến đạt 513.870 tấn (-4% svck) trong năm 2026. Biên lợi nhuận gộp dự kiến đạt 28%, tăng 2 điểm % svck.
- **Chúng tôi kỳ vọng ghi nhận thu nhập từ đền bù đất cao su.** GVR đang đẩy nhanh các thủ tục phê duyệt cho 23.444 ha đất KCN đến năm 2030, tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam. Năm 2026, chúng tôi dự báo thu nhập từ đền bù đất đạt 3,2 nghìn tỷ đồng (+102% svck) và lợi nhuận trước thuế (LNST) đạt 2,63 nghìn tỷ đồng, trên giả định chuyển đổi 1.500 ha tại Đồng Nai và Bình Dương (cũ).
- **Nền tảng tài chính vững chắc.** Trong Q1/2026, GVR ghi nhận tiền mặt ròng đạt 25,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 17,3% giá trị vốn hóa. Chúng tôi kỳ vọng vị thế tiền mặt dồi dào sẽ giúp công ty ghi nhận doanh thu tài chính cao hơn trong bối cảnh lãi suất tiền gửi có xu hướng tăng.

Điểm nhấn KQKD

Lợi nhuận đạt mức cao nhất trong 5 năm qua, chủ yếu nhờ màng cốt lõi là khai thác cao su tự nhiên trong Q1/2026. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế (LNST) lần lượt đạt 8,8 nghìn tỷ đồng (+55,8% svck) và 2,5 nghìn tỷ đồng (+85% svck).

Chúng tôi dự báo doanh thu và LNST năm 2026 sẽ lần lượt đạt 31,7 nghìn tỷ đồng (+9,8% svck) và 8,5 nghìn tỷ đồng (+33,9% svck).

Rủi ro: (1) Tiến độ chuyển đổi đất từ trồng cây cao su sang phát triển KCN có khả năng gặp khó khăn và chậm trễ trong quá trình phê duyệt pháp lý; và (2) Nhu cầu đối với cao su tự nhiên có thể suy giảm trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều thách thức.

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần	25.421	22.138	26.242	28.939	34.713
Tăng trưởng DTT	-2,93%	-12,91%	18,54%	10,28%	19,95%
Biên lợi nhuận gộp	25,14%	22,42%	26,54%	29,88%	25,95%
NPATMI	3.882	2.623	3.989	5.625	7.761
EPS (VND)	807	646	1.207	1.588	2.126
Tăng trưởng EPS	-22,40%	-19,95%	86,79%	31,60%	33,87%
Nợ/VCSH (x)	0,14	0,12	0,12	0,05	0,04
Tỷ suất cổ tức (%)	1,1%	1,1%	1,1%	1,4%	1,4%
ROE	8,98%	6,14%	8,27%	10,15%	12,57%
P/E (x)	43,25	54,02	26,10	21,85	17,43
P/B (x)	2,61	2,54	2,16	1,82	1,89
EV/EBITDA	4,85	4,20	4,10	4,80	5,30

Nguồn: GVR, SSI Research

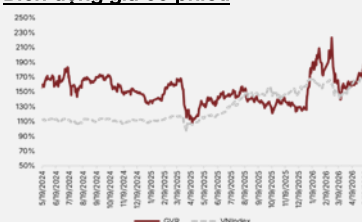
Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên Phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

Giá CP - VND (20/05/26)	37.600
Vốn hóa (USDmn):	5.576
SLCP lưu hành (triệu cp):	4.000
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	5,1
Giá cao/thấp 52T (k VND):	45,8/24,9
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	7,0
Tỷ lệ SHNN (%):	0,6
GTNN còn được mua (USDmn):	689,23
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	96,8

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) được thành lập từ năm 1975. Ngày 26/12/2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa. VRG hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 1/6/2018. VRG hiện quản lý 394.782 ha diện tích trồng cao su, sản lượng bình quân 500.000 tấn cao su/năm - chiếm 30% tổng sản lượng cao su Việt Nam. Ngoài ra, VRG hiện có 5 công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp, 18 nhà máy sản xuất gỗ cao su, MDF và phát triển 11 KCN tại các công ty con, công ty liên kết.

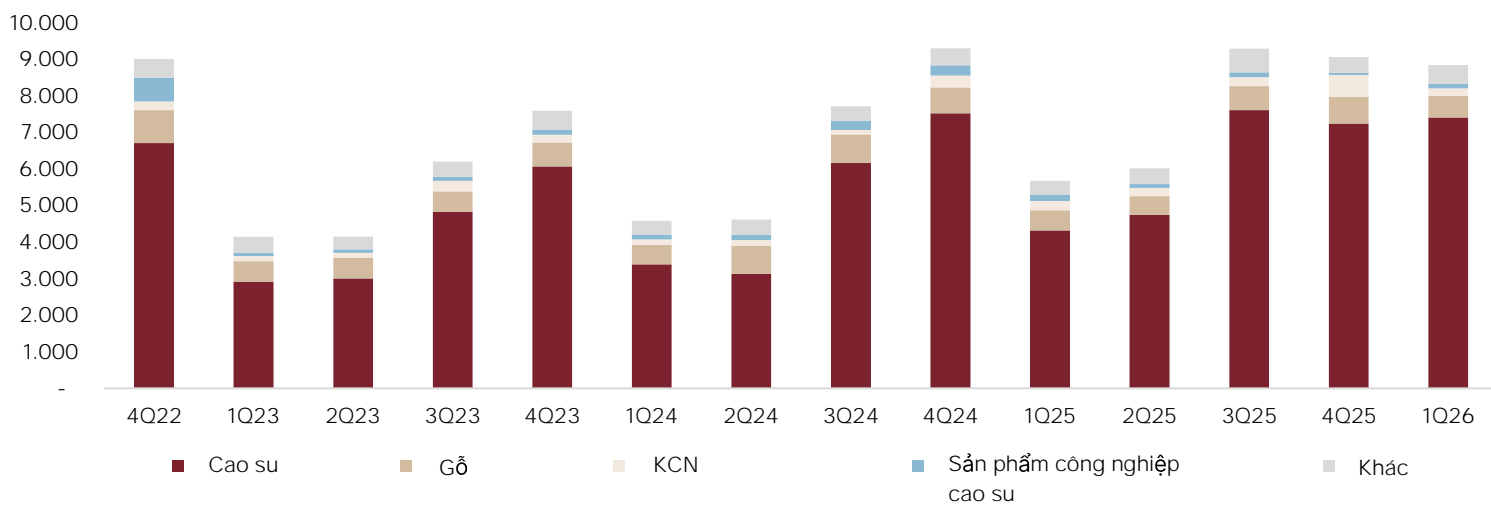
Điểm nhấn KQKD

Tỷ đồng	1Q26	1Q25	YoY	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận	
					1Q26	1Q25
Doanh thu thuần	8.845	5.656	56,4%	26%		
Lợi nhuận gộp	2.336	1.637	42,7%		26,4%	28,9%
Lợi nhuận hoạt động	1.923	1.285	49,6%		21,7%	22,7%
EBIT	3.002	1.605	87,1%		33,9%	28,4%
EBITDA	3.674	2.254	63,0%		41,5%	39,8%
Lợi nhuận trước thuế	2.961	1.564	89,3%		33,5%	27,7%
Lợi nhuận ròng	2.513	1.355	85,5%	34%	28,4%	24,0%
Lợi nhuận ròng cổ đông công ty mẹ	2.250	1.184	90,0%		25,4%	20,9%

Nguồn: GVR, SSI Research

LNST đạt mức cao nhất trong 5 năm qua. Doanh thu và LNST lần lượt đạt 8,8 nghìn tỷ đồng (+55,8% svck) và 2,5 nghìn tỷ đồng (+85% svck). Đà tăng trưởng lợi nhuận mạnh chủ yếu được thúc đẩy bởi sự gia tăng đáng kể nhu cầu tiêu thụ cao su, trong bối cảnh sản lượng tại Thái Lan giảm mạnh sau đợt lũ lụt nghiêm trọng vào tháng 10/2025.

Doanh thu theo mảng hoạt động từ Q4/2022 đến Q1/2026 của GVR (tỷ đồng)

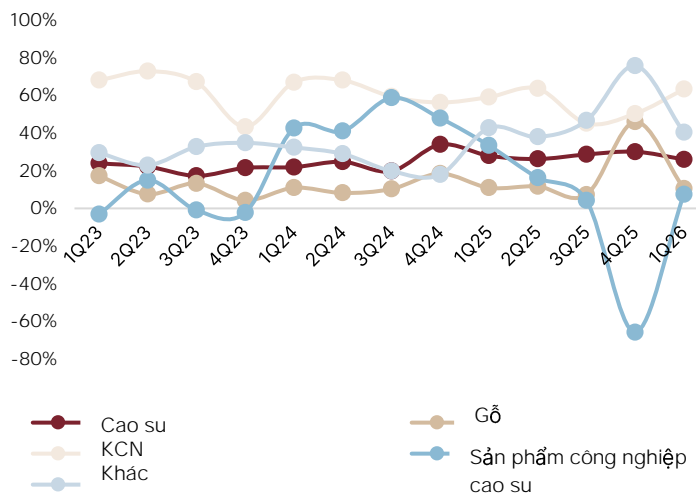
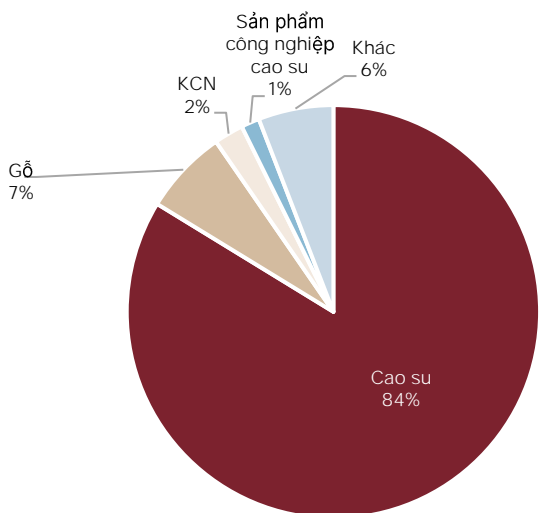


Nguồn: GVR

- **Doanh thu cao su tự nhiên tăng mạnh nhờ nhu cầu từ Trung Quốc; Biên lợi nhuận giảm nhẹ.** Doanh thu từ khai thác cao su tự nhiên tăng lên 7,4 nghìn tỷ đồng (+72% svck), chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ tăng mạnh đạt khoảng 145.000 tấn. Kết quả này đến từ bán hàng tồn kho cuối năm trong bối cảnh nhu cầu từ Trung Quốc tăng mạnh, trong khi nguồn cung từ Thái Lan sụt giảm. Mặc dù sản lượng tăng mạnh, giá bán bình quân trong Q1/2026 giảm 12% svck xuống còn 49,5 triệu đồng/tấn. Theo đó, biên lợi nhuận gộp đạt 26,2%, giảm 1,7 điểm phần % svck.
- **Doanh thu mảng chế biến gỗ cao su (MDF) tăng 6% svck từ mức nền thấp của năm trước.** Phần lớn sản lượng MDF được tiêu thụ trong nước, trong bối cảnh MDF là nguyên liệu chính cho ngành sản xuất đồ nội thất và ngoại thất, lĩnh vực đang bị ảnh hưởng bởi thuế xuất khẩu khi xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Biên lợi nhuận gộp đạt 10,6%, giảm 0,4 điểm % svck.
- **Doanh thu từ mảng thanh lý cây cao su tăng mạnh nhờ các dự án hạ tầng.** Doanh thu từ mảng thanh lý cây cao su tăng 124% svck lên 700 tỷ đồng, chủ yếu nhờ các dự án hạ tầng tại Đồng Nai như Vành đai 4 TP.HCM (giai đoạn 1), DT.770B, nâng cấp và mở rộng các tuyến DT.769, DT.773 và cao tốc Dầu Giây – Tân Phú. Tổng diện tích thanh lý đạt 2.800 ha. Trong Q1/2026, GVR ghi nhận 380 tỷ đồng thu nhập từ đền bù đất (gấp 3,8 lần svck), chủ yếu từ khoản đền bù của Thaco cho dự án Khu công nghiệp cơ khí Bình Dương trên đất cao su Phước Hòa (HOSE: PHR).
- GVR hiện đầu tư tại 11 công ty con phát triển hạ tầng KCN, bao gồm Bắc Đồng Phú, Dầu Giây, Nam Tân Uyên, An Điền, Tân Bình, Long Khánh, Bình Long, Công Hòa, Thống Nhất, VRG Long Thành và Nam Pleiku, với tổng quỹ đất hơn 6.566 ha. Doanh thu cho thuê KCN từ các công ty con đạt 204 tỷ đồng (-19% svck), chủ yếu do diện tích ghi nhận trong kỳ hạn chế khi biên bản ghi nhớ (MOUs) năm trước ở mức thấp. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp vẫn duy trì ở mức cao 63%, nhờ giá thuê tăng 4,3% svck.

Doanh thu theo mảng hoạt động của GVR trong Q1/2026

Biên lợi nhuận gộp theo từng mảng giai đoạn Q1/21-Q1/26



Nguồn: GVR, SSI Research

Triển vọng

Chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận ròng năm 2026 của GVR sẽ lần lượt đạt 31,7 nghìn tỷ đồng (+9,8% svck) và 8,5 nghìn tỷ đồng (+33,9% svck). Các giả định chính bao gồm:

Triển vọng giá cao su tích cực góp phần hỗ trợ biên lợi nhuận. Chúng tôi kỳ vọng giá cao su tiếp tục neo ở mức cao, qua đó củng cố triển vọng lợi nhuận mảng cao su. Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên, nhu cầu toàn cầu năm 2026 dự kiến đạt 15,6 triệu tấn, vượt nguồn cung 15,2 triệu tấn. Đáng chú ý, diễn biến giá cao su hiện chịu ảnh hưởng lớn từ thị trường năng lượng và các yếu tố địa lý. Giá cao su tổng hợp hiện đang tăng mạnh theo đà tăng của giá dầu thô. Chúng tôi dự báo giá cao su bình quân tăng 15% svck lên 58 triệu đồng/tấn. Doanh thu mảng cao su ước tính đạt 26,7 nghìn tỷ đồng (+12% svck), với sản lượng tiêu thụ dự kiến đạt 513.870 tấn (-4% svck) trong năm 2026. Biên lợi nhuận gộp kỳ vọng đạt 28%, tăng 2 điểm % svck.

Mảng thanh lý cây cao su dự kiến đạt đỉnh trong 2026. Theo kế hoạch của GVR, tổng diện tích thanh lý dự kiến đạt 7.400 ha (+9,4% svck), với giá thanh lý bình quân khoảng 200 triệu đồng/ha. Riêng tại Đồng Nai, diện tích thanh lý dự kiến đạt 4.300 ha, tập trung chủ yếu tại các dự án hạ tầng kết nối với sân bay Long Thành. Chúng tôi ước tính doanh thu từ thanh lý cây cao su đạt khoảng 3.020 tỷ đồng (+174% svck).

Chuyển đổi đất mở ra tăng trưởng trong dài hạn. GVR đang đẩy nhanh các thủ tục phê duyệt cho 23.444 ha đất khu công nghiệp đến năm 2030, tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam. Năm 2026, chúng tôi dự báo thu nhập từ đền bù đất đạt 3,2 nghìn tỷ đồng (gấp 1,2 lần svck), dựa trên giả định chuyển đổi 1.500 ha tại Đồng Nai và Bình Dương (cũ).

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu	26.226	25.483	22.138	26.242	30.903	34.713	37.357
Tăng trưởng doanh thu	24,20%	-2,83%	-13,13%	18,54%	17,76%	12,33%	7,62%
Lợi nhuận gộp	7.575	6.342	4.963	6.965	7.590	9.008	9.128
Biên lợi nhuận gộp	28,88%	24,89%	22,42%	26,54%	24,56%	25,95%	24,43%
Thu nhập tài chính	831	885	1.115	957	986	1.016	1.046
Chi phí tài chính	(716)	(696)	(618)	(465)	(325)	(309)	(294)
SG&A	(2.189)	(2.354)	(2.455)	(2.879)	(2.455)	(2.627)	(2.701)
Thu nhập khác	82	658	165	867	1.260	3.542	4.542
LNTT	6.212	5.701	4.123	5.606	7.267	10.629	11.721
Lợi nhuận ròng	4.158	3.838	3.372	4.827	6.352	8.503	9.377
Tăng trưởng lợi nhuận ròng (%)	10,29%	-7,70%	-12,14%	43,14%	31,60%	33,87%	10,28%
EPS (VND)	1.040	807	646	1.207	1.588	2.126	2.344

Nguồn: GVR, SSI Research

Luận điểm đầu tư

GVR hiện đang giao dịch P/E dự phóng ở mức 17x, thấp hơn trung bình 3 năm là 21,7x. Chúng tôi duy trì quan điểm tích cực đối với GVR, nhờ quỹ đất cao su lớn nhất cả nước, với tổng diện tích 377.797 ha trải rộng tại các tỉnh trọng điểm phía Nam như Bình Dương (cũ), Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu (cũ) và Tây Ninh. Việc chuyển đổi hơn 23.000 ha đất cao su sang phát triển khu công nghiệp (KCN) sẽ mở ra giai đoạn tăng trưởng mới cho công ty. Dựa trên phương pháp định giá SOTP, chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 12 tháng là 36.200 đồng/cổ phiếu (tiềm năng giảm giá 3,7%) và duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP**.

Yếu tố hỗ trợ. Chúng tôi nhận thấy tiềm năng tăng trưởng cho GVR khi các thông tin sắp tới liên quan đến kế hoạch tăng vốn và điều chỉnh cơ cấu cổ đông — nhằm duy trì điều kiện công ty đại chúng — có thể thúc đẩy tích cực diễn biến giá cổ phiếu.

Rủi ro: (1) Tiến độ chuyển đổi đất từ trồng cây cao su sang phát triển KCN có khả năng gặp khó khăn và chậm trễ trong quá trình phê duyệt pháp lý; và (2) Nhu cầu đối với cao su tự nhiên có thể suy giảm trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều thách thức.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	5.564	5.779	7.886	10.687
+ Đầu tư ngắn hạn	11.355	13.952	14.563	14.709
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.546	2.539	2.587	2.065
+ Hàng tồn kho	3.360	4.352	6.671	7.005
+ Tài sản ngắn hạn khác	1.017	1.048	1.251	1.351
Tổng tài sản ngắn hạn	23.842	27.670	32.960	35.816
+ Các khoản phải thu dài hạn	657	608	498	523
+ GTCL Tài sản cố định	34.438	35.337	35.439	36.148
+ Bất động sản đầu tư	1.344	1.287	1.246	1.209
+ Tài sản dài hạn dở dang	10.774	9.067	7.588	7.892
+ Đầu tư dài hạn	2.957	2.688	2.530	2.657
+ Tài sản dài hạn khác	4.049	6.727	6.250	5.938
Tổng tài sản dài hạn	54.220	55.713	53.553	54.365
Tổng tài sản	78.062	83.384	86.513	90.181
+ Nợ ngắn hạn	9.653	11.594	11.352	10.217
Trong đó: vay ngắn hạn	3.003	4.075	1.391	1.173
+ Nợ dài hạn	13.432	13.392	12.560	12.309
Trong đó: vay dài hạn	3.577	2.964	1.586	1.507
Tổng nợ phải trả	23.085	24.987	23.912	22.526
+ Vốn góp	40.000	40.000	40.000	40.000
+ Thặng dư vốn cổ phần	326	326	401	401
+ Lợi nhuận chưa phân phối	5.187	6.241	7.334	8.434
+ Quỹ khác	41	53	48	58
Vốn chủ sở hữu	54.977	58.397	62.601	67.655
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	78.062	83.384	86.513	90.181
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	3.249	3.411	6.835	8.202
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-1.087	-1.196	1.182	1.300
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-921	-1.013	-6.092	-6.701
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.241	1.202	1.925	2.801
Tiền đầu kỳ	4.370	5.564	5.778	7.886
Tiền cuối kỳ	5.564	5.778	7.886	10.687
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,47	2,39	2,90	3,51
Hệ số thanh toán nhanh	2,12	2,01	2,32	2,82
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,58	0,50	0,69	1,05
Nợ ròng / EBITDA	0,14	0,21	-0,47	-0,60
Khả năng thanh toán lãi vay	7,43	12,82	25,44	35,37
Ngày phải thu	42,0	35,3	32,6	21,7
Ngày phải trả	10,8	8,5	6,3	5,5
Ngày tồn kho	71,4	82,4	120,0	99,5
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,70	0,70	0,72	0,75
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,12	0,14	0,13	0,11
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,42	0,43	0,38	0,33
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,12	0,05	0,04
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,05	0,07	0,02	0,02

Nguồn: GVR, SSI Research

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	22.138	26.242	28.939	34.713
Giá vốn hàng bán	-17.176	-19.277	-20.293	-25.705
Lợi nhuận gộp	4.963	6.965	8.646	9.008
Doanh thu hoạt động tài chính	1.115	957	1.073	1.016
Chi phí tài chính	-618	-465	-312	-309
Thu nhập từ các công ty liên kết	-208	162	198	198
Chi phí bán hàng	-591	-554	-485	-495
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-1.864	-2.325	-2.746	-2.132
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.796	4.740	6.366	7.087
Thu nhập khác	1.318	867	1.260	3.542
Lợi nhuận trước thuế	4.114	5.606	7.626	10.629
Lợi nhuận ròng	3.373	4.827	6.352	8.503
Lợi nhuận chia cho cổ đông	2.623	3.989	5.625	7.761
Lợi ích của cổ đông thiểu số	750	838	728	743
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	646	1.207	1.588	2.126
Giá trị sổ sách (VND)	13.744	14.599	15.650	16.914
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	400	400	400	400
EBIT	4.591	5.959	7.938	10.939
EBITDA	7.080	5.959	10.396	13.427
Tăng trưởng				
Doanh thu	-12,9%	18,5%	10,3%	20,0%
EBITDA	-18,8%	-15,8%	74,5%	29,2%
EBIT	-26,6%	29,8%	33,2%	37,8%
Lợi nhuận ròng	-29,8%	43,1%	31,6%	33,9%
Vốn chủ sở hữu	2,7%	6,2%	7,2%	8,1%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	-0,5%	6,8%	3,8%	4,2%
Định giá				
P/E	54,0	26,1	21,9	17,4
P/B	2,5	2,2	1,8	1,9
Giá/Doanh thu	1,6	1,4	1,0	0,8
Tỷ suất cổ tức	1,1%	1,1%	1,4%	1,4%
EV/EBITDA	4,2	4,1	4,1	4,1
EV/Doanh thu	1,7	1,6	1,6	1,6
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	22,4%	26,5%	29,9%	25,9%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	12,6%	18,1%	22,0%	20,4%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	15,2%	18,4%	21,9%	24,5%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	2,7%	2,1%	1,7%	1,4%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	8,4%	8,9%	9,5%	6,1%
ROE	6,1%	8,3%	10,1%	12,6%
ROA	3,4%	4,8%	6,5%	8,6%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Cao su

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321